

Một số vấn đề về nam tính và nghiên cứu nam tính ở Việt Nam

Nguyễn Hà Đông

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Dựa vào tổng quan các nghiên cứu về nam tính ở Việt Nam, bài viết chỉ ra rằng nghiên cứu nam tính ở Việt Nam vẫn còn nhiều khoảng trống. Các nghiên cứu về nam tính hiện nay tập trung nhiều vào mô tả các khía cạnh tiêu cực của nam tính như sự thống trị của nam giới với những hành vi bạo lực cũng như các hành vi nguy cơ cao nhằm biểu hiện nam tính như sử dụng thuốc phiện hoặc ngoại tình, trong khi các biểu hiện nam tính dưới góc độ vai trò trụ cột kinh tế và sự ưa thích con trai chưa được chú ý nhiều. Vì vậy, việc thúc đẩy các nghiên cứu theo hướng này cần được chú ý trong thời gian tới.

Từ khoá: Gia đình; Nam tính; Vai trò trụ cột kinh tế; Sự ưa thích con trai.

Nam tính là một khái niệm gây nhiều tranh cãi. Cho đến tận nửa sau của thế kỷ XX, nam tính thường được hình dung như một yếu tố mang tính bản năng và ổn định, thể hiện mối quan hệ giới theo khía cạnh sinh học. Sau này, cách tiếp cận nam tính dưới góc độ văn hóa và xã hội dần trở nên phổ biến và cũng giống như nữ tính, nam tính dần thoát ly khỏi sự khác biệt về mặt sinh học. Quan niệm về nam tính và các hành vi theo khuôn mẫu giới diễn ra trong một bối cảnh văn hóa nhất định, có những khác biệt nhất định theo không gian và thời gian. Dựa trên các nghiên cứu gần đây

về nam tính, bài viết sẽ phân tích một số đặc điểm về nam tính, nghiên cứu nam tính ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra.

1. Vài nét về nam tính

Nam tính được định nghĩa là thuộc phạm trù của văn hóa (John Beynon, 2002: 2) và không do gen quy định. Connell (2005b: 77) cho rằng nam tính không phải là một sự vật hay đối tượng cụ thể mà là một tập hợp các quá trình và quan hệ. Theo Connell thì các chuẩn mực về nam tính được hình thành gắn liền với các chuẩn mực về nữ tính và quan hệ giới. Nói cách khác, quá trình hình thành nam tính dù do người đàn ông tạo ra nhưng không thể tách rời người phụ nữ và các chuẩn mực về nữ tính. Brittan (1989: 3) cũng khẳng định mối quan hệ gắn gũi giữa nam tính và nữ tính. Vì vậy, để hiểu nam tính, cần đồng thời xem xét các quan hệ giới và nữ tính. Điều đáng lưu ý là dù quan niệm về “người đàn ông đích thực” có sự khác biệt ở các nền văn hóa khác nhau và sự nam tính có thể được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng phổ biến nhất vẫn là hình thức nam tính mang tính chất độc quyền, chuyên chế, trong đó người đàn ông chiếm ưu thế và phụ nữ bị phụ thuộc vào nam giới (Robert Connell, 2005: 82).

Reeser (2010: 10, 20) lý giải nam tính theo một góc nhìn rộng hơn, tại đó nam tính được định nghĩa là một hệ tư tưởng kiểm soát và quản lý cách thức người đàn ông suy nghĩ và hành động. Brittan (1989: 4) cũng tán thành quan niệm này và định nghĩa nam tính là “một hệ tư tưởng nhằm hợp lý hóa và tự nhiên hóa sự thống trị của nam giới”. Như vậy, hệ tư tưởng về nam tính khẳng định sự thống trị của người đàn ông đối với người phụ nữ theo cách cố gắng tự nhiên hóa sự thống trị này. Tác giả này khẳng định khái niệm nam tính không cố định và có xu hướng khác biệt theo thời gian và các vùng/khu vực khác nhau (Arthur Brittan, 1989: 2). Tuy nhiên, như Todd Reeser (2010: 27-28) nhận định, cho dù nam tính không có tính cố định thì quan niệm về nam tính cũng khó thay đổi vì nó thường gắn bó chặt chẽ với bối cảnh của các nền văn hóa.

Rộng hơn, khi tìm hiểu về nam tính trong các bối cảnh các nền văn hóa khác nhau trên thế giới, Gilmore (1990: 9-10) chỉ ra rằng các hành vi trên cơ sở giới có sự khác biệt và được chuẩn hóa, biến đổi phù hợp với từng xã hội. Có rất nhiều chuẩn mực khác nhau quy định cách thức các cá nhân hành động để trở thành một người đàn ông. Tuy không có một cách hiểu chung về nam tính nhưng nhìn chung hình ảnh một người đàn ông thường được mô tả theo ba tiêu chí: (1) người bảo vệ gia đình; (2) người kiếm

tiền; và (3) người cha sinh học (David Gilmore, 1990: 222-223).

Nhìn chung, vai trò kiếm tiền thường được coi như là yếu tố cơ bản để phân biệt giữa nam tính và nữ tính không chỉ ở các nước phương Tây mà còn ở rất nhiều nước và vùng lãnh thổ khác trên thế giới. Để trở thành một người chồng và người cha trong gia đình, người đàn ông được kỳ vọng sẽ trở thành người kiếm tiền chính. Một người đàn ông nếu kết hôn vì tiền sẽ bị cộng đồng chỉ trích và bêu xấu trong khi người phụ nữ ít bị phê phán hơn nếu rơi vào tình huống tương tự (Helen Hacker, 1957). Quan trọng hơn, ngay trong những gia đình có 2 nguồn thu nhập, công việc và số tiền người đàn ông kiếm được thường được coi trọng hơn. Khi làm cùng một công việc, nam giới cũng thường được trả lương cao hơn phụ nữ. Vì vậy, quan niệm về vai trò trụ cột của nam giới không chỉ thể hiện niềm tin về ưu thế bẩm sinh của nam giới đối với vai trò trụ cột kinh tế so với nữ giới mà còn phản ánh sự tôn vinh giá trị của lao động nam trên thị trường lao động (Arthur Brittan, 1989: 114). Công việc là một phần trong khung biểu tượng giới và là một biểu tượng truyền thống cho lòng tự trọng của nam giới. Ở một số nước phương Tây, có một công việc ổn định đã trở thành một chỉ số cơ bản hay một sự kiện quan trọng đánh dấu sự chuyển biến từ thời kỳ thơ ấu sang giai đoạn người đàn ông trưởng thành (Chris Haywood & Mairtin Ghail, 2003: 21-22). Do đó, tạo dựng một sự nghiệp thành công và có nguồn thu nhập tốt thường được xem là những yếu tố cơ bản để phân biệt giữa nam giới và phụ nữ (Filippo Osella & Caroline Osella, 2000; Robert Connell, 2005: 20,31), ngược lại, thất nghiệp bị coi là sự đe dọa nghiêm trọng đối với sự thể hiện nam tính (Arthur Brittan, 1989: 187).

Quan niệm về nam tính của Gilmore (1990) bị Haywood và Ghail (2003: 86) phê phán vì họ cho rằng trong cách nhìn này, sự khác biệt về mặt sinh học được coi trọng hơn sự khác biệt về mặt văn hóa, đồng thời đã bỏ quên các điều kiện kinh tế, xã hội của từng khu vực cụ thể. Cách nhìn của Gilmore về nam giới với tư cách là người cha sinh học vốn không phổ biến trong các phân tích về nam tính.

Cách tiếp cận dựa trên ba tiêu chí về nam tính của Gilmore dường như phức tạp hơn so với quan niệm phổ biến về vai trò trụ cột kinh tế của các nước phương Tây (David Gilmore, 1990: 222-223). Dolan (2002: 62) cũng phần nào đồng ý với quan niệm của Gilmore khi khẳng định rằng trách nhiệm trụ cột kinh tế là thiết yếu nhưng không đủ để chứng tỏ sự trưởng thành của người đàn ông. Để trở thành người đàn ông trưởng thành, kết hôn và sinh con cũng là những tiêu chí quan trọng.

Xu hướng toàn cầu hóa cùng với sự nữ hóa của lực lượng lao động

trong những thập kỷ gần đây đã đe dọa địa vị của nam tính, đặc biệt là vai trò trụ cột kinh tế của nam giới trong gia đình. Sự suy giảm kinh tế và số lượng lớn nam giới thất nghiệp, sự gia tăng số lượng phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động cùng với sự tiến bộ của phụ nữ về học vấn đã làm giảm bớt gánh nặng kinh tế cho nam giới nhưng đồng thời cũng đe dọa quan điểm nam tính truyền thống (Robert Connell, 2005: 78). Nói cách khác, trong khi xã hội đang biến đổi, các chuẩn mực văn hóa truyền thống về nam tính dường như ít thay đổi. Vì vậy, nam tính đang bị khủng hoảng cả về mặt khái niệm và thực tiễn. Sự khủng hoảng của nam tính có thể hiểu như là cảm giác của nam giới cho rằng họ không thể hoàn toàn nắm được mọi thứ trong tầm tay và rằng họ cảm thấy không chắc chắn và lo lắng về địa vị, quyền lực và vị trí của họ (Arthur Brittan, 1989: 183). Tuy nhiên, phản ứng của nam giới khá đa dạng (Frances Cleaver, 2002: 4). Trong khi một số nam giới cho rằng đây là một cơ hội tốt để thay đổi quan niệm truyền thống về nam tính và xây dựng quan niệm mới thì trên thực tế cũng có không ít nam giới cảm thấy khó thích nghi với hoàn cảnh mới này (Frances Cleaver, 2002: 11).

Tóm lại, tuy có nhiều cách tiếp cận nam tính khác nhau và không có một mô hình cố định cho nam tính (John Beynon, 2002: 2,11-12) nhưng trong bối cảnh của một xã hội phụ hệ với ảnh hưởng mạnh từ tư tưởng Nho giáo và giá trị con cái, đặc biệt là con trai, trở thành một trong những mục tiêu cơ bản của hôn nhân và đời sống gia đình như Việt Nam, quan điểm của Gilmore (1990) có thể được sử dụng như một tiêu chuẩn để đánh giá về nam tính. Cách tiếp cận đa tiêu chí dường như phù hợp hơn so với cách tiếp cận về vai trò trụ cột kinh tế.

2. Quan niệm về nam tính trong xã hội Việt Nam truyền thống

Trong mô hình gia đình theo tư tưởng Nho giáo, người chồng/ người cha có quyền lực tối cao nhưng trong gia đình Việt Nam, đặc biệt ở các tầng lớp thấp, người phụ nữ cũng có những quyền đáng kể (Đặng Cảnh Khanh, 2009: 145). Một số câu thành ngữ diễn tả điều này như “nhất vợ nhì trời”, hoặc “lệnh ông không bằng công bà” (Phạm Văn Bích, 1999: 40). Tuy những thành ngữ này không hoàn toàn phản ánh cán cân quyền lực thực sự trong gia đình nhưng ở một mức độ nào đó cũng diễn tả quyền lực và sự độc lập của người phụ nữ trong gia đình. Tuy vậy, với các giá trị văn hóa khu vực vẫn còn đang hiện hữu, người đàn ông vẫn là trụ cột trong gia đình Việt Nam nói chung (Daniele Belanger, 2000; Nguyễn Hữu Minh, 2009: 31-32). Gia đình Việt Nam truyền thống không thể tồn tại tách rời những ảnh hưởng của Nho giáo (Trần Đình Hượu, 1991: 310).

Theo đó, nam giới được hưởng quyền tự do trong khi phụ nữ phụ thuộc vào nam giới và phải tuân theo các quy định hà khắc về đạo đức - “tam tòng - tứ đức”. Nếu người phụ nữ không tuân theo các chuẩn mực này, họ sẽ bị mắng chửi và nghiêm trọng hơn là sẽ bị nam giới đánh đập (Phan Kế Bính, 2011: 77). Sự thống trị của nam giới đối với phụ nữ trong gia đình mạnh nhất ở các tầng lớp trên nhưng vẫn có ảnh hưởng đến các gia đình bình dân ở một mức độ nhất định (Arlene Eisen, 1984: 15).

Trong xã hội Việt Nam truyền thống, nam tính thường được gắn với những gì được cho là “tốt” và “tốt hơn” so với nữ tính. Để trở thành một người đàn ông trưởng thành, có ba tiêu chí cơ bản, ba điểm mốc của cuộc đời được đưa ra là “tậu trâu, lấy vợ, làm nhà” (Khuất Thu Hồng, 1996, dẫn theo La Manh Cuong, 2005). Như vậy, trong các tiêu chí về nam tính trong gia đình truyền thống ở Việt Nam, vai trò trụ cột kinh tế và việc kết hôn, sinh con được xác định là những tiêu chí cơ bản.

Nam giới được coi là trụ cột kinh tế của gia đình. Phụ nữ dù tham gia đóng góp đáng kể cho kinh tế gia đình, thậm chí, là người nắm tay hòm chìa khóa nhưng người chủ của gia đình vẫn thường là nam giới. Nam giới (lớn tuổi nhất) thường là chủ hộ và chịu trách nhiệm đối với hành vi của mọi thành viên trong gia đình trước cộng đồng và xã hội. Ngoài ra, người đàn ông cũng gánh trách nhiệm trong sự hòa thuận và bền vững của gia đình cả về khía cạnh vật chất lẫn tinh thần. Kiếm tiền để nuôi sống gia đình là trách nhiệm của nam giới và vấn đề này trở nên nặng nề hơn đối với con trai trưởng, người thừa kế và là người chủ gia đình khi người cha qua đời (quyền huynh - thế phụ). Mọi công việc và trách nhiệm của người phụ nữ đều nhằm hỗ trợ nam giới để duy trì gia đình (Trần Đình Hượu, 1996: 330-331). Biểu tượng “trụ cột của gia đình” phản ánh địa vị này của người đàn ông trong gia đình (Hoang Lan Anh & Brenda Yeoh, 2011). Vì vậy, vai trò kiếm tiền là vai trò cơ bản của người đàn ông và là một trong những tiêu chí cơ bản nhất để đánh giá nam tính. Câu thành ngữ “đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm” diễn tả rõ điều này (Lê Thị Hồng Hải và các tác giả, 2012).

Một biểu hiện khác của nam tính truyền thống là có con trai. Theo Dardess (1991: 88), trong Nho giáo, vấn đề chính không phải là có con hay không mà là có con trai hay con gái. Nho giáo đề cao vai trò của nguồn gốc và dòng họ, và có con trai là một trong những chức năng quan trọng nhất của hôn nhân vì nó đảm bảo sự tiếp nối của gia đình và thờ cúng tổ tiên. Vì vậy, không có con trai đồng nghĩa với sự kết thúc của gia đình/dòng họ và là tội bất hiếu lớn nhất – một trong những đạo lý cốt lõi

đối với nam giới (Trần Đình Hượu, 1996: 328). Vấn đề này càng trở nên nghiêm trọng khi người đàn ông là người con trai trưởng trong gia đình bởi vì con trai trưởng là người kế tục của gia đình và có trách nhiệm duy trì gia đình, thờ cúng tổ tiên khi người cha qua đời. Vì vậy, tìm kiếm và lựa chọn con dâu, đặc biệt là con dâu cả, đòi hỏi sự tham gia không chỉ của nội bộ gia đình mà của cả dòng tộc (Trần Đình Hượu, 1996: 333).

Mặc dù phụ nữ chịu áp lực nhiều hơn nam giới trong vấn đề này, nam giới cũng bị giễu cợt và phân biệt đối xử nếu không có con trai. Ngược lại, có con trai sẽ giúp nam giới củng cố nam tính, nâng cao danh tiếng trong cộng đồng và đảm bảo địa vị trong dòng họ (Daniele Belanger, 2002; Nanda Priya và cộng sự, 2012). Vì vậy, có con trai không chỉ là gánh nặng của đại gia đình mà đồng thời còn là biểu hiện cho hình ảnh một người đàn ông đích thực.

3. Gia đình hiện đại, các quan hệ giới và nam tính

Cùng với những biến đổi kinh tế, xã hội, gia đình Việt Nam cũng chịu tác động lớn từ Đổi mới, đặc biệt là văn hóa phương Tây và những quan niệm mới về hôn nhân và gia đình được truyền bá rộng khắp đất nước qua các phương tiện truyền thông đại chúng (Harriet Phinney, 2008). Trong một số lĩnh vực, các quan hệ giới đã biến đổi theo chiều hướng bình đẳng hơn và hướng tới trao quyền cho phụ nữ. Tuy nhiên, trong gia đình, nhìn chung vị trí của phụ nữ vẫn là đứng phía sau nam giới (Lương Văn Hy, 1992: 215; Tine Gammeltoft, 1999: 198). Đổi mới dù đã làm tăng các hoạt động giải trí và thu nhập của hộ gia đình, nhưng cũng khiến trách nhiệm của phụ nữ đối với gia đình trở nên nặng nề hơn (Harriet Phinney, 2008).

Không chỉ nam giới mà ngay cả phụ nữ cũng cho rằng họ nên tiếp tục làm các công việc nội trợ và không nên quá tự do vì điều này sẽ dẫn đến rối loạn trật tự trong gia đình. Nếu phụ nữ muốn tham gia vào công việc xã hội, họ cần phải cân bằng giữa vai trò trong gia đình và công việc ngoài xã hội (World Bank và cơ quan khác, 2011). Vì vậy, phụ nữ chỉ đạt được cái gọi là “bình đẳng có giới hạn”. “Bình đẳng có giới hạn” nghĩa là nam giới xứng đáng có nhiều quyền lực hơn và được tôn trọng hơn phụ nữ và phụ nữ có nhiều kinh nghiệm và nghĩa vụ hơn đối với các công việc trong gia đình. Thành công của phụ nữ trong sự nghiệp chỉ dừng lại ở trước cửa nhà, gia đình vẫn là địa hạt của nam giới (Diana Santillan và cộng sự, 2002; Sidney Schuler và cộng sự, 2006).

Cùng với những biến đổi của gia đình và các quan hệ giới, biểu tượng về nam tính đã biến đổi như thế nào? Giống như các nước đang phát triển

khác, nghiên cứu giới ở Việt Nam tập trung vào phụ nữ và vấn đề trao quyền cho phụ nữ. Qua nghiên cứu nội dung của tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới, Steffanie Scott và Trương Thị Kim Chuyên (2007) đã chỉ ra rằng các nghiên cứu về giới tăng mạnh ở Việt Nam sau Đổi mới nhưng phần lớn mới chỉ tập trung vào các vấn đề của phụ nữ. Nam giới vẫn chưa được quan tâm nghiên cứu nhiều và dường như vô hình trong các nghiên cứu về giới. Trong những năm gần đây, các vấn đề liên quan đến nam giới nói chung và nam tính nói riêng đã bắt đầu được chú ý. Tuy nhiên, nghiên cứu về nam giới thường được tiếp cận khá đơn điệu: nghiên cứu về nam tính dựa trên cách tiếp cận nữ quyền (tập trung vào sự thống trị của nam giới, những hành vi bạo lực của nam giới và ảnh hưởng đến phụ nữ và gia đình) và các nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận y tế công cộng tập trung tìm hiểu các hành vi nguy cơ cao nhằm biểu hiện nam tính (sử dụng thuốc phiện hoặc ngoại tình) (Vũ Hồng Phong, 2010). Như vậy, nhiều nghiên cứu hiện nay có xu hướng mô tả các mặt tiêu cực của nam tính gắn liền với sự chịu đựng của người phụ nữ (Vũ Hồng Phong, 2013).

Tuy việc có con trai nối dõi và đặc biệt là vai trò trụ cột kinh tế được xem là những biểu hiện quan trọng của nam tính nhưng các vấn đề này vẫn chưa được nghiên cứu nhiều ở Việt Nam. Vai trò trụ cột kinh tế của nam giới thường là chủ đề nghiên cứu quen thuộc trong các nghiên cứu về phân công lao động trong gia đình. Hầu hết các nghiên cứu (Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, UNICEF & Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2008; Lê Ngọc Văn, 2012) cho thấy sự khác biệt giữa nam và nữ trong việc thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy vậy, những nghiên cứu này thường tiếp cận vai trò trụ cột kinh tế như một công việc, một dạng lao động của gia đình, tương tự như các công việc nội trợ và chăm sóc các thành viên trong gia đình mà chưa phân tích sâu hơn đến vai trò trụ cột kiếm tiền và việc đánh giá mức độ hoàn thành vai trò này của nam giới trong gia đình.

Cũng đã có một vài nghiên cứu nhìn nhận vai trò trụ cột kinh tế như là đặc trưng của nam giới. Chẳng hạn, nghiên cứu của Trần Thị Minh Đức và Đỗ Hoàng (2001) là một trong những nghiên cứu đầu tiên về chủ đề này và tập trung tìm hiểu vai trò trụ cột của nam giới với những áp lực xã hội mà nam giới phải đối diện khi thực hiện vai trò này. Các tác giả cho rằng kiếm tiền là tiêu chuẩn chính để trở thành trụ cột của gia đình, vì vậy khi gia đình gặp phải những khó khăn về kinh tế, đó là lỗi của người đàn ông vì đã không thực hiện hết trách nhiệm của họ đối với gia đình. Khuôn mẫu nam tính truyền thống này đã trở thành định kiến xã hội và tạo áp lực cho nam giới. Áp lực này không chỉ xuất phát từ kỳ vọng của phụ nữ mà

còn từ nhận thức của nam giới. Nam giới tự tạo gánh nặng cho chính họ và chỉ tự tin và hài lòng khi họ hoàn thành nghĩa vụ này. Điều này đã trở thành trở ngại cho sự nghiệp bình đẳng giới (Trần Thị Minh Đức & Đỗ Hoàng, 2001).

Một số nghiên cứu khác về chủ đề này thường tập trung vào phản ứng của nam giới khi vai trò trụ cột kinh tế của họ bị đe dọa. Nghiên cứu của Lê Thị Hồng Hải và các cộng sự (2012) cho thấy việc phụ nữ tham gia lực lượng lao động và kiếm được thu nhập cao hơn chồng đã trực tiếp đe dọa vai trò trụ cột truyền thống của người chồng. Để duy trì địa vị trong gia đình, nam giới đã sử dụng nhiều chiến lược thích ứng như làm thêm việc, thêm giờ; chia sẻ các công việc nội trợ với vợ nhưng vẫn cố gắng duy trì địa vị của họ trong việc đưa ra các quyết định quan trọng trong gia đình; và mở rộng mạng lưới xã hội để nâng cao vị thế xã hội và đền bù cho những hạn chế về năng lực tài chính.

Cùng về chủ đề này, Hoàng Lan Anh và Yeoh (2011) đã tìm hiểu nhu cầu được thể hiện và bảo vệ nam tính trong gia đình nông thôn khi vợ đi xuất khẩu lao động. Sự thiếu vắng người phụ nữ trong gia đình khiến cho nam giới phải dành nhiều thời gian hơn cho các công việc nội trợ, chăm sóc con cái và thời gian dành cho lao động được trả công bị giảm sút. Phần lớn nam giới cảm thấy nam tính của họ bị đe dọa khi thu nhập của phụ nữ tăng cao trong khi một số nam giới lại tức giận vì không được vợ gửi tiền. Họ cho rằng điều này có nghĩa là vợ đã không tin tưởng họ và cách hành xử này đã làm tổn thương tư cách nam giới của họ. Họ phải làm việc nhiều thời gian hơn hoặc vay mượn tiền để giải quyết những khó khăn tài chính và chi trả cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày trong gia đình (Hoàng Lan Anh & Brenda Yeoh, 2011). Có thể nói, dù ở các góc độ khác nhau, các nghiên cứu này đã cho thấy vai trò trụ cột kinh tế đã trở thành áp lực xã hội đối với nam giới. Chỉ số nam tính này đang bị thách thức và nam giới phải vật lộn nhằm duy trì sự tôn nghiêm của mình. Tuy nhiên, nhìn chung các nghiên cứu theo hướng này thường dừng lại ở mức độ nghiên cứu định tính quy mô nhỏ. Để có được cái nhìn toàn diện hơn, việc thực hiện các nghiên cứu định lượng quy mô lớn là điều nên làm.

Mong ước có ít nhất một con trai không phải là chủ đề nghiên cứu mới ở Việt Nam. Các nghiên cứu theo hướng này thường tập trung vào hai xu hướng chính. Đầu tiên là phân tích ý nghĩa và lợi ích của việc có con trai (Daniele Belanger, 2002; Hồ Ngọc Châm, 2011), mà một vài lợi ích có thể kể đến trong số đó là việc đảm bảo địa vị của người phụ nữ trong gia đình và cộng đồng, thờ cúng tổ tiên, đảm bảo có người chăm sóc và hỗ trợ tài

chính khi về già.

Thứ hai là cách tiếp cận tư tưởng trọng nam dưới lăng kính nhân khẩu học trong đó tập trung tìm hiểu tác động của sự ưa thích con trai đến tỷ lệ sinh và các phong tục sinh đẻ (Daniele Belanger & Khuất Thị Hải Oanh, 2009; Nguyễn Văn Chính, 2004). Cùng với xu hướng nam hóa giới tính khi sinh, sự ưa thích con trai đang trở lại trong các diễn đàn nghiên cứu. Hiện tượng này làm dấy lên lo lắng vì tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt Nam tăng nhanh trong một thời gian ngắn hơn nhiều so với các nước đã trải qua hiện tượng này như Trung Quốc hay Ấn Độ (Christophe Guilmoto, 2012; UNFPA, 2010). Điều này có thể có quan hệ với tỷ lệ nạo phá thai cao và sự giảm cơ hội được sinh ra của trẻ em gái so với trẻ em trai (Pham Bang, Wayne Hall, & Peter Hill, 2011).

Dù sự ưa thích con trai không phải là một chủ đề mới trong nghiên cứu, nhưng vẫn chưa có nhiều nghiên cứu tìm hiểu về vấn đề này dưới góc độ nam tính. Một nghiên cứu so sánh gần đây về nam tính và sự ưa thích con trai giữa Việt Nam và Nepal cho thấy sự ưa thích con trai vẫn tiếp tục được khá nhiều nam giới coi là một chỉ số của nam tính, đặc biệt ở Việt Nam (Nanda Priya và các cộng sự, 2012). Tuy nhiên, nghiên cứu mới chỉ tập trung phân tích các yếu tố tác động đến sự ưa thích con trai trong vai trò là một chỉ số tổng hợp hơn là một biểu hiện của nam tính và chưa đưa ra được sự khác biệt theo giới do chỉ tìm hiểu quan niệm dưới lăng kính của nam giới. Như vậy, trong khi nam tính đang bắt đầu thu hút được sự quan tâm nghiên cứu trong những năm gần đây, nghiên cứu về vai trò trụ cột kinh tế và đặc biệt là việc có ít nhất một con trai dưới góc độ nam tính vẫn còn nhiều khoảng trống.

4. Kết luận

Tuy khái niệm nam tính còn gây nhiều tranh cãi nhưng nhìn chung, tiếp cận nam tính dưới góc độ văn hóa xã hội ngày càng trở nên phổ biến hơn. Quan niệm về nam tính gắn liền với bối cảnh văn hóa xã hội nhất định, có sự khác biệt theo không gian và thời gian nhưng không thể tách rời nữ tính và các quan hệ giới. Trong số các cách thức biểu hiện nam tính, vai trò trụ cột về kinh tế được xem như một tiêu chí cơ bản để phân biệt nam tính và nữ tính không chỉ ở các nước phương Tây mà ở nhiều khu vực trên thế giới. Tuy nhiên, tiêu chí này chưa đủ để đánh giá sự trưởng thành của nam giới, kết hôn và sinh con trai cũng là tiêu chí quan trọng, đặc biệt trong các xã hội chịu ảnh hưởng mạnh của Nho giáo và con trai có vai trò quan trọng như Việt Nam.

Trong khi gia đình Việt Nam đang vận động và biến đổi, nhiều vấn đề cũng đang được đặt ra đối với các quan hệ giới truyền thống. Sự thành công của phụ nữ trong công việc chưa dẫn tới sự thay đổi đáng kể quan niệm trụ cột kinh tế truyền thống và áp lực vẫn đè nặng trên vai nam giới, đẩy nam tính tới trước những thách thức to lớn. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, các nghiên cứu về nam tính hiện nay thường tập trung mô tả các khía cạnh tiêu cực của nam tính trong khi vai trò trụ cột kinh tế và đặc biệt là sự ưa thích con trai dưới góc độ nam tính chưa được quan tâm nhiều ở Việt Nam. Vì vậy, thúc đẩy các nghiên cứu về vấn đề này sẽ là một trong những hướng cần được ưu tiên trong thời gian tới.■

Tài liệu trích dẫn

- Arlene Eisen. 1984. *Women and Revolution in Vietnam*. London: Zed book Ltd.
- Arthur Brittan. 1989. *Masculinity and power*. Oxford and New York: Basil Blackwell.
- Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, UNICEF, & Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới. 2008. *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*. Hà Nội.
- Chris Haywood & Mairtin Ghail. 2003. *Men and masculinities: Theory, research and social practice*. Buckingham & Philadelphia: Open University Press.
- Christophe Guilamoto. 2012. "Son preference, sex selection and kinship in Vietnam". *Population and Development Review*, Vol. 38, No. 1, p. 31-54.
- Đặng Cảnh Khanh. 2009. Đi tìm những đặc trưng của gia đình Việt Nam truyền thống. Trong Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Vân Anh (chủ biên), *Nghiên cứu gia đình và giới thời kỳ Đổi Mới* (tr. 128-165). Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Daniele Belanger. 2000. "Regional differences in household composition and family formation patterns in Vietnam". *Journal of Comparative Family Studies*, Vol. 31, No. 2, p. 171-189.
- Daniele Belanger. 2002. "Son preference in a rural village in North Vietnam". *Studies in Family Planning*, Vol. 33, No. 4, p. 321-334.
- Daniele Belanger & Khuất Thị Hải Oanh. 2009. "Second-trimester abortions and sex-selection of children in Hanoi, Vietnam". *Population Studies*, Vol. 63, No. 2, p. 163-171.
- David Gilmore. 1990. *Manhood in the making: cultural concepts of masculinities*. New Haven and London: Yale University Press.
- Diana Santillan, Sidney Schuler, Hoàng Tú Anh, Trần Hùng Minh & Bùi Thị Thanh Mai. 2002. "Limited equality: contradictory ideas about gender and the implications for reproductive health in rural Vietnam". *Journal of Health*

- Management*, Vol. 4, No. 2, p. 252-267.
- Filippo Osella & Caroline Osella. 2000. "Migration, money and masculinity in Kerala". *The Journal of the Royal Anthropological Institute*, Vol. 6, No. 1, p. 117-133.
- Frances Cleaver. 2002. Men and masculinities: new directions in gender and development. Trong Frances Cleaver (chủ biên), *Masculinities matters: men, gender and development*. London: London Zed.
- Harriet Phinney. 2008. "Rice is essential but tiresome; you should get some noodles": Doi Moi and the political economy of men's extramarital sexual relations and marital HIV risk in Hanoi, Vietnam. *American Journal of Public Health*, Vol. 98, No. 4, p. 650-660.
- Helen Hacker. 1957. "The new burdens of masculinity". *Marriage and Family Living*, Vol. 19, No. 3, p. 227-233.
- Hồ Ngọc Châm. 2011. Ý nghĩa của con cái trong gia đình nông thôn. Trong Trịnh Duy Luân (chủ biên), *Gia đình nông thôn đồng bằng Bắc bộ trong chuyển đổi*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Hoàng Lan Anh & Brenda Yeoh. 2011. "Breadwinning wives and "left-behind" hus bands: men and masculinities in the Vietnamese transnational family". *Gender and Society*, Vol. 25, No., p. 717-739.
- John Beynon. 2002. *Masculinities and Cultures*. Buckingham and Philadelphia: Open University Press.
- John Dardess. 1991. Children in Premodern China. Trong Joseph M Hawes & N Ray Hiner (chủ biên), *Children in historical and comparative perspective* (p. 52-71). New York, Westport Connecticut & London: Greenwood Press.
- La Manh Cuong. 2005. *How virginity enhances masculinity: an exploratory study in Hanoi, Vietnam*. San Francisco State University.
- Lê Ngọc Văn. 2012. *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Lê Thị Hồng Hải, Nguyễn Hữu Minh & An Thanh Ly. 2012. "Vai trò trụ cột kinh tế trong gia đình nông thôn Việt Nam hiện nay: Nam giới và những chiến lược khẳng định nam tính". *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Vol. 22, No. 6, tr. 88-98.
- Nanda Priya, Gautam Abhishek, Verma Ravi, Khuat Thu Hong, Puri Mahesh, Tran Giang Linh, et al. 2012. Study on Gender, Masculinity and Son Preference in Nepal and Vietnam: New Delhi, International Center for Research on Women.
- Nguyễn Hữu Minh. 2009. *Vietnamese marriage patterns in the Red River Delta: tradition and change*. Hanoi: Social Sciences Publishing House.
- Nguyễn Văn Chính. 2004. Cấu trúc trọng nam trong gia đình và tập quán sinh đẻ của người Việt. Trong Mai Quỳnh Nam (chủ biên), *Gia đình trong tám*

- ương xã hội học*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Pham Bang, Wayne Hall & Peter Hill. 2011. "Indirect evidence of the contribution of prenatal sex selection practices to the high sex ratio at birth in Vietnam". *Journal of Population Research*, Vol. 28, No.4, p. 293-299.
- Pham Bang, Wayne Hall, Peter Hill, & Chalapati Rao. 2008. "Analysis of socio-political and health practices influencing sex ratio at birth in Viet Nam". *Reproductive Health Matters*, Vol. 32, No.16, p. 176-184.
- Phạm Văn Bích. 1999. *The Vietnamese family in change: the case of the Red River Delta*. Curzon Press.
- Phan Kế Bính. 2011. *Việt Nam phong tục*. Nxb. Văn hóa - Thông tin. Hà Nội.
- Robert Connell. 2005. Globalisation, imperialism, and masculinities. Trong Michael Kimmel, Jeff Hearn & Robert W Connell (chủ biên), *Handbook of studies on men and masculinities*. Carnifornia, London and New Delhi: Sage Publication.
- Sidney Schuler, Hoàng Tú Anh, Vũ Song Hà, Trần Hùng Minh, Bùi Thị Thanh Mai & Phạm Vũ Thiên. 2006. "Construction of gender in Vietnam: In pursuit of the 'Three Criteria'". *Cultural, Health and Sexuality*, Vol. 8, No.5, p.383-394.
- Steffanie Scott & Trương Thị Kim Chuyên. 2007. "Gender research in Vietnam: Traditional approaches and emerging trajectories". *Women's Studies International Forum*, Vol. 30, No.3, p. 243-253.
- Tine Gammeltoft. 1999. *Women's bodies, womens' worries: Health and family planning in a Vietnamese rural community*. Curzon Press.
- Todd Reeser. 2010. *Masculinities in theory: An introduction*. Wiley-blackwell.
- Trần Đình Hượu. 1991. Về gia đình truyền thống Việt Nam với ảnh hưởng Nho giáo. Trong Rita Liljestrom & Trương Lai (chủ biên), *Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam* (26-26). Nxb. Khoa học Xã hội.
- Trần Đình Hượu. 1996. *Đến hiện đại từ truyền thống*. Nxb. Văn hóa. Hà Nội.
- Trần Thị Minh Đức & Đỗ Hoàng. 2001. "Áp lực xã hội đối với vai trò trụ cột của người đàn ông". *Tạp chí Xã hội học*, Vol., No.4, tr. 32-35.
- UNFPA. 2010. *Sex ratio at birth in South East Asia with a focus on Vietnam: An annotated bibliography designed to guide further policy research*. Hanoi.
- Vũ Hồng Phong. 2010. "Reviewing Vietnamese masculinties". *Vietnam Journal of Family and Gender Studies*, Vol. 6, No.1, p. 64-78.
- Vũ Hồng Phong. 2013. "Bàn về nam tính ở Việt Nam". *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Vol. 23, No.1, tr. 67-80.
- World Bank, AUSAID, UK AID & UN Women. 2011. *Vietnam - country gender assessment*.